

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **90/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày 24 - 08 - 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Minh Khâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 08 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 08 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thanh V; sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm Q (Thôn 13 cũ) , xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T; sinh năm 1978; Nơi cư trú: Xóm Q (Thôn 13 cũ) , xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn bà Vũ Thanh V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn ngày 24 tháng 09 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 1 năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà đề nghị xin ly hôn với ông T để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/08/2003 và Nguyễn Vũ Hà L, sinh ngày 30/06/2010. Hiện cả 02 con chung đang ở cùng với bà V. Sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên hòa giải đối với ông Nguyễn Đức T. Tuy nhiên, ông T cố tình vắng mặt không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Bà Vũ Thanh V có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương là ông Nguyễn Đức T là chồng của bà Vũ Thanh V, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Ông T hiện không có mặt tại địa phương. Qua tra cứu dữ liệu dân cư Quốc gia thì ông T không khai báo tạm vắng tại địa phương.

Căn cứ vào đơn yêu cầu của bà Vũ Thanh V, TAND huyện Trực Ninh ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Đức T trên 03 số báo liên tiếp tại Báo Công Lý, phát sóng trên hệ thống phát thanh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp trên Đài tiếng nói Việt Nam về nội dung khởi kiện ly hôn của bà Vũ Thanh V và ấn định lịch làm việc, lịch mở phiên tòa xét xử cho ông T được biết. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú đã được Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thông báo nội dung khởi kiện cho bị đơn theo quy định pháp luật. Hết thời hạn Tòa án ấn định, bị đơn không có mặt để xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt mặc dù đã được thông báo, triệu tập đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do là đúng quy định tại các Điều 227; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng bà V, ông T sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56;

81;82;83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Vũ Thanh V.

Về con chung: Giao cho bà Vũ Thanh V trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/08/2003 và Nguyễn Vũ Hà L, sinh ngày 30/06/2010. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con của bà V.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Vũ Thanh V phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thông báo nội dung khởi kiện cho bị đơn và ấn định lịch làm việc, lịch mở phiên tòa xét xử cho ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn vắng mặt không có lý do, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt là đúng quy định tại các Điều 227; 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Bà Vũ Thanh V và ông Nguyễn Đức T kết hôn ngày 24 tháng 09 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Tiến, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 1 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà đề nghị xin ly hôn với ông T để yên tâm ổn định cuộc sống.

Sau khi bà V có đơn xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho ông T nhưng ông T không có mặt tại xã T. Căn cứ vào đơn yêu cầu của bà Vũ Thanh V, Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng để thông báo nội dung khởi kiện ly hôn của bà V và ấn định thời gian làm việc đối với ông T theo quy định pháp luật nhưng ông T vẫn không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm, xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông T đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa. Yêu cầu xin ly hôn của bà V là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà V, ông T có 02 con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/08/2003 và Nguyễn Vũ Hà L, sinh ngày 30/06/2010. Hiện cả hai con chung đang ở với bà V. Sau khi ly hôn, bà V có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không đến Toà án trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của bà V trong đó có yêu cầu về con chung. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho bà V trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Ông T có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Vũ Thanh V phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa bà Vũ Thanh V và ông Nguyễn Đức T.

2. Về con chung: Giao cho bà Vũ Thanh V trách nhiệm nuôi dưỡng cả hai con chung là Nguyễn Duy P, sinh ngày 16/08/2003 và Nguyễn Vũ Hà L, sinh ngày 30/06/2010. Chấp nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Hiện hai con chung đang ở cùng bà V. Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Bà Vũ Thanh V phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà V đã nộp theo biên lai thu tiền 0001963 ngày 27/04/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí bà V phải nộp. Bà V đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Vũ Thanh V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Ông Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trữc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trữc Ninh;
- UBND xã T; huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà